

Bản án số: 66/2020/ HSST
Ngày 27-11- 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thành, bà Đình Thị T Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Lương Huy Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số:66/2020/HSST ngày 11/11/2020. Theo quyết định xét xử số:76/2020/QĐXXST-HS ngày 16/11/2020 đối với bị cáo:

Bùi Đình T - Tên gọi khác : không. Sinh ngày 13 tháng 9 năm 1982, tại Yên Bái. Địa chỉ: Tổ 12, phường N, TP Y, tỉnh Yên Bái. Nghề nghiệp: Không. Trình độ văn hoá: 12/12. Dân tộc : Kinh. Tôn giáo: Không. Giới tính: Nam. Quốc tịch : Việt Nam. Bố đẻ: Bùi Văn T3 – sinh năm 1954. Mẹ đẻ: Hoàng Thị L1 – sinh năm 1956. Có vợ là Nguyễn Thị H - sinh năm 1984 và 03 con, lớn sinh 2009, nhỏ sinh 2018. Tiền án: Ngày 29/5/2019 bị Tòa án nhân dân TP Yên Bái, tỉnh Yên Bái xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản (Bản án số: 24/2019/HSST) chưa được xóa án tích. Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 30/9/2020 hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái. Có mặt tại phiên tòa.

Các bị hại:

+ Triệu Minh T1 – sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện L, tỉnh Yên Bái. Người đại diện theo ủy quyền của Anh T1 là ông Nguyễn Văn T2 – sinh năm 1960. Địa chỉ: Tổ 15, phường N, TP Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

+ Bùi Văn L – sinh năm 1973. Địa chỉ: Tổ 6, phường Y, TP Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Lê Thị Thanh X – sinh năm 1969. Địa chỉ: Tổ 4, phường H, TP Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

+ Nguyễn Thị Y – sinh năm 1964. Địa chỉ: Tổ 4, phường H, TP Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

+ Nguyễn Thị H – sinh năm 1984. Địa chỉ: Tổ 12, phường N, TP Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

Người làm chứng:

+ Đặng Thị T3 – sinh năm 1989. Địa chỉ: Tổ 9, phường Đ, TP Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ sáng ngày 23/9/2020 Bùi Đình T đi xe đạp đến Công trình xây dựng của anh Bùi Văn L tại tổ 14, phường N, Tp Y phát hiện 05 hộp thép mạ kẽm loại 4x8 cm chiều dài 06 m. Không thấy ai trông coi, T chiếm đoạt 03 hộp rồi mang bán cho cửa hàng thu mua phế liệu của chị Lê Thị Thanh X được 300.000 đồng. Đến khoảng 01 giờ sáng ngày 24/9/2020 T lại đi xe đạp đến công trình của anh L chiếm đoạt 02 thép mạ kẽm còn lại mang bán cho chị X lấy 200.000 đồng. Đến khoảng 01 giờ sáng ngày 25/9/2020 T tiếp tục đi xe đạp đến công trình của anh L chiếm đoạt 09 bộ giằng giàn giáo xây dựng bằng kim loại loại 02 m mang bán cho chị Nguyễn Thị Y được 120.000 đồng.

Khoảng 01 giờ ngày 26/9/2020 T đi xe đạp đến Công trình thi công kè Ngòi Yên do anh Triệu Minh T1 thi công (Anh T1 giao cho ông Nguyễn Văn T2 làm bảo vệ). T phát hiện 06 hộp thép mạ kẽm loại 4x8 cm chiều dài 06 m, T chiếm đoạt 04 hộp mang bán cho chị X lấy 400.000 đồng. Đến khoảng 01 giờ ngày 27/9/2020 T lại đi xe đạp đến Công trình kè Ngòi Yên chiếm đoạt 03 tấm cốt pha bằng kim loại có kích thước 30x100 cm mang đến bán cho chị Y lấy 120.000 đồng. Đến khoảng 01 giờ sáng ngày 28/9/2020 T tiếp tục đi xe đạp đến Công trình kè Ngòi Yên chiếm đoạt 02 hộp thép mạ kẽm loại 4x8 cm dài 06 m mang bán cho chị X được 200.000 đồng.

Anh Bùi Văn L và ông Nguyễn Văn T2 đã làm đơn trình báo Cơ quan điều tra. Đến ngày 30/9/2020 Bùi Đình T bị Cơ quan điều tra Công an TP Yên Bái bắt giữ chờ xử lý.

Tại bản kết luận định giá số: 37/KL-HĐĐGTS ngày 30/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TP Yên Bái kết luận:

- 04 hộp thép mạ kẽm, kích thước (4x8)cm, độ dày 1,0 ly, chiều dài 6 m còn mới có trị giá tại thời điểm tháng 9/2020 là 688.000 đồng.

- 06 hộp thép mạ kẽm, kích thước (4x8)cm, độ dày 1,4 ly, chiều dài 6m (Đã qua sử dụng) có trị giá tại thời điểm tháng 9/2020 là 714.000 đồng.

- 01 hộp thép mạ kẽm, kích thước (4x8)cm, độ dày 1,0 ly, chiều dài 5m (Đã qua sử dụng) có giá trị tại thời điểm tháng 9/2020 là 100.000 đồng.

- 02 tấm cốt pha bằng kim loại, kích thước (30x100)cm (Đã qua sử dụng) có giá trị tại thời điểm tháng 9/2020 là 120.000 đồng.

- 09 đôi giằng chéo loại dài 02m của rào sắt xây dựng (Đã qua sử dụng) có trị giá tại thời điểm tháng 9/2020 là 90.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 61/CT-VKS-TP ngày 10/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái truy tố Bị cáo Bùi Đình T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Đình T phạm tội "Trộm cắp tài sản"

Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Bùi Đình T từ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, không tranh luận gì và xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Yên Bái, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, lời khai nhận của bị cáo Bùi Đình T phù hợp với Kết luận định giá; lời khai của các bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Nên đã đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 23 đến ngày 28/9/2020 Bùi Đình T đã 06 lần chiếm đoạt 11 hộp thép mạ kẽm; 09 đôi giằng giàn giáo xây dựng và 02 tấm cốt pha bằng kim loại có tổng trị giá là 1.712.000 đồng. Bị cáo T có một tiền án về tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nên hành vi chiếm đoạt trên của bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo thực hiện các hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi đó đã gây mất trật tự an cho xã hội. Do vậy cần phải đưa bị cáo ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[4] Xét nhân thân bị cáo Bùi Đình T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Nhận thức rõ được hành vi Trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật

nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Cần có hình phạt thỏa đáng tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo. Cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có thể giáo dục, cải tạo, bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội và phòng chống tội phạm nói chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo 06 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét tình tiết giảm nhẹ sau: Bị cáo thành khẩn khai báo; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Được quy định tại điểm h và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có việc làm, thu nhập không ổn định, nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Đối với Chị Lê Thị Thanh X và chị Nguyễn Thị Y là người đã mua những tài sản do T phạm tội mà có. Quá trình điều tra xác định chị X, chị Y không biết nguồn gốc tài sản do T phạm tội mà có nên không đề cập xử lý.

[8] Về vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra Công an thành phố Yên Bái đã thu hồi được 11 hộp thép mạ kẽm; 09 đôi giăng giàn giáo và 02 tấm cốt pha và đã trao trả cho chủ sở hữu là anh L và ông T2. nên Hội đồng không xem xét.

- Đối với xe đạp Mini màu hồng T đã sử dụng làm phương tiện để thực hiện tội phạm. Quá trình điều tra xác định được đây là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị H. Việc T lấy xe đi thực hiện hành vi phạm tội chị H không hay biết nên Cơ quan điều tra đã trao trả lại cho chị H là phù hợp.

- Đối với 01 chiếc mũ cối màu xanh thu giữ của T. Xét thấy không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Anh L và ông T2 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Chị Nguyễn Thị Y không yêu cầu bị cáo T phải hoàn trả số tiền 240.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Chị Lê Thị Thanh X yêu cầu bị cáo T phải hoàn trả số tiền 1.100.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị X là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự.

Bị cáo, các bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Đình T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Đình T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 30/9/2020.

3. Về vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc mũ cối màu xanh đã qua sử dụng.

4. Về Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo T có trách nhiệm hoàn trả cho chị Lê Thị Thanh X số tiền 1.100.000 đồng.

Kể từ ngày chị X có đơn đề nghị thi hành án nếu bị cáo T chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Buộc bị cáo Bùi Đình T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND thành phố Yên Bái;
- THADS thành phố Yên Bái;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái;
- Công an thành phố Yên Bái;
- Bị cáo, các bị hại,
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Lưu: Hs, TA, THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Nguyễn Thế Hòa

